Số: 248/QĐ-BQL
Thời gian ký: 2026-04-03T15:01:09+07:00

Mã chương: 599
Đơn vị: BQL các khu Di tích lịch sử cách mạng miền Nam
Mã ĐVQHNS: 1027965
Mã cấp NS: 2

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

Từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

(Kèm theo Quyết định số: 248 /QĐ-BQL ngày 3/4/2026
của Ban quản lý các khu Di tích lịch sử cách mạng miền Nam)

STT	Nội dung	Dự toán giao	Thực hiện quý I	Dự toán còn lại	Tỷ lệ (%) so với dự toán
I	**Kinh phí không giao quyền tự chủ**	**5.574.000.000**	**866.526.668**	**4.707.473.332**	**15,55**
	Chi tiền công, các khoản phụ cấp		371.187.000		
	Trực lễ, tết		37.541.018		
	Làm thêm giờ		44.788.145		
	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		79.805.205		
	Các khoản thanh toán cho cá nhân (tiền ăn)		156.000.000		
	Các khoản chi khoán phương tiện theo chế độ (xăng)		105.000.000		
	Tiền điện		30.678.465		
	Các khoản dịch vụ công công (Wifi)		6.140.935		
	Tuyên truyền, quản cáo		2.555.000		
	Chi tiền tết nguyên đáng năm 2026		28.000.000		
	Chi công tác Đảng và tổ chức đại hội Đảng		4.830.900		
II	**Cải cách kinh phí đảng không tự chủ**	**8.000.000**	**2.295.000**	**5.705.000**	**28,69**
III	**Kinh phí giao quyền tự chủ (chuyển nguồn CCTL: 151.579.365 đ)**	**3.257.579.365**	**687.150.557**	**2.570.428.808**	**21,09**
	Chi lương và các khoản phụ cấp		405.378.694		
	Chi tiền công, các khoản phụ cấp		76.176.600		
	Chi tiền tết nguyên đáng năm 2026		24.000.000		
	Chi trực lễ, tết		16.200.000		
	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		126.741.083		
	Các khoản dịch vụ công công (Điện, nước, xăng , dầu,…)		12.766.780		
	Các khoản chi khoán điện thoại theo chế độ		2.850.000		
	Chi văn phòng phẩm, vật tư văn phòng		3.875.000		
	Chi các khoản thông tin, tuyên truyền (Cước phí, internet, mytivi)		969.000		

	Chi thanh toán công tác phí		6.300.000		
	Chi sửa chữa		11.293.400		
	Chi thuê mướn khác		600.000		
IV	**Chi cải cách tiền lương tự chủ (1.800.000 lên 2.340.000)**	**1.089.000.000**	**213.968.425**	**875.031.575**	**19,65**
	Chi lương, các khoản phụ cấp theo lương		**197.583.096**		
	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		**16.385.329**		
VI	**Chi đào tạo, bồi dưỡng không tự chủ**	**50.000.000**	**0**	**50.000.000**	**0,00**
VI	**Chi bảo vệ và hỗ trợ phòng chống cháy rừng**	**164.000.000**	**0**	**164.000.000**	**0,00**
VII	**Chi khen thưởng theo Nghị định 73**	**218.000.000**	**0**	**218.000.000**	**0,00**
	Tổng cộng	**10.360.579.365**	**1.769.940.650**	**8.590.638.715**	**17,08**